

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày 27-6-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Sơn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Diện
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Hoàng Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nông Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2023/TLST-DS ngày 04/10//2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 20/5/2024, giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: Ông Đinh Văn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Trung Hưng, xã Gia Viễn, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

\*Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông H có mặt; ông T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào ngày 26/5/2021 ông H có mua của Công ty TNHH Gỗ Kim Trường, địa chỉ: 17/1 ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai 32 tấm gỗ dày 5cm, mặt 50cm, dài 220 cm. Đến ngày 19/3/2023, ông H có bán cho ông T 23 tấm với giá tiền là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng). Ông T bóc gỗ

xong hẹn 1 tuần sau thanh toán nhưng chưa có tiền. Ngày 26/3/2023, ông H có ra đòi tiền nhưng ông T lại hẹn 1 tháng sau trả nhưng khi đòi ông T cứ hứa hẹn và không trả. Đến ngày 20/8/2023, do không đòi được tiền nên hai bên đã viết giấy nợ tiền nhưng từ đó đến nay, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay ông H đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông T trả cho ông H số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) tiền lãi theo quy định của pháp luật là 10%/1 năm từ ngày 20/8/2023 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Ông T có mua bán gỗ với ông Đinh Văn H, sinh năm 1969, trú tại: Thôn Trung Hưng, xã Gia Viễn, huyện C và còn nợ lại tiền, ông T sẽ thanh toán tiền cho ông H hoặc là ông H sẽ tới xưởng của ông T để chở gỗ về.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm Điều 70; 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 434, 440, 357 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Phạm Văn T có nghĩa vụ cho ông Đinh Văn H số tiền 45.000.000 đồng, cùng tiền lãi theo quy định là 10%/1 năm từ ngày 20/8/2023 đến ngày 27/6/2024. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn C nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo nguyên đơn trình bày vào ngày 19/3/2023 ông Phạm Văn T mua gỗ để đóng quan tài với ông Đinh Văn H với số lượng 23 tấm với số tiền 45.000.000 đồng. Sau khi bốc gỗ lên xe ông T xin nợ lại tiền và hẹn một tuần sau sẽ trả tuy nhiên ông T không trả nợ như đã hứa dù ông H nhiều lần đòi nên ngày 04/10/2023 ông H khởi kiện ra TAND huyện C để yêu cầu ông T trả nợ số tiền là 45.000.000 đồng và số tiền lãi là 10%/1 năm từ ngày 20/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông T không đến Tòa để làm việc mặc dù đã được triệu tập nhiều lần. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2024 tại nhà ông T, ông T thừa nhận có

mua gỗ với ông H và còn nợ lại số tiền 45.000.000 đồng. Ông T đồng ý sẽ thanh toán số tiền nợ cho ông H hoặc là ông H đến và chờ hết số gỗ đã bán về.

Xét thấy, khi mua bán giữa hai bên không xác lập giấy tờ mua bán. Tuy nhiên sau nhiều lần nguyên đơn đòi nợ không thành, giữa hai bên có xác lập giấy nợ tiền, nội dung ông Đinh Văn H có bán cho ông Phạm Văn T gỗ với số tiền 45.000.000 đồng, hạn đến ngày 20/8/2023 sẽ trả hết. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2024 tại nhà ông T, ông T thừa nhận có mua gỗ với ông H và còn nợ lại số tiền 45.000.000 đồng. Do ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T trả số tiền mua bán tài sản là 45.000.000 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

Ngoài ra ông H còn yêu cầu Tòa án buộc ông T trả lãi theo quy định của pháp luật là 10%/1 năm từ ngày 20/8/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy khi các bên xác lập giấy nhận nợ không thỏa thuận tiền lãi chỉ xác lập hạn đến ngày 20/8/2023 ông T trả tiền cho ông H, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự thì bên có nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả lãi của ông H buộc ông T trả lãi cho ông H theo quy định của pháp luật là 10%/1 năm từ ngày 20/8/2023 đến ngày 27/6/2024, tương đương với số tiền 3.837.500 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Văn H là 48.837.500 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là phù hợp theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều Điều 430, 434, 440, 357 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn H đối với bị đơn là ông Phạm Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

1.1 Buộc ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Văn H số tiền 48.837.500 đồng.

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3 Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/Về án phí: Buộc ông Phạm Văn T phải chịu 2.441.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đinh Văn H tiền tạm ứng án phí 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 0010557 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3/Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hứa Sơn Tùng**